

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2023/HS-ST
Ngày 24/02/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trương Công Định;
- Bà Hoàng Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2023/HSST ngày 16 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo: Bùi Văn P, sinh ngày 13/9/2003, Nơi sinh: Tỉnh T, nơi cư trú: Xóm L, xã L1, huyện Y, tỉnh H. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Mường; tôn giáo: Không; con ông Bùi Văn C và bà Đặng Thị Minh C1; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

*** Đại diện bị hại:** Ông Lại Thế Đ, sinh năm 1950, trú tại: Thôn K, xã V, thành phố T, tỉnh T.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 23/06/2005, trú tại thôn T1, xã V1, thành phố T, tỉnh T.

Người đại diện cho chị N: Bà Nguyễn Thị C2, sinh năm 1985, trú tại trú tại thôn T1, xã V1, thành phố T, tỉnh T (Là mẹ đẻ chị N).

*** Người làm chứng:**

1. Anh Nguyễn Minh H1, sinh ngày 30/8/2007, trú tại thôn C3, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh T;

Người đại diện cho anh H1: Bà Phan Thị Minh H2 - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T.

2. Anh Phạm Tuấn A, sinh ngày 27/7/2007, trú tại thôn K1, xã N1, huyện V2, tỉnh T.

Người đại diện cho anh A: Chị Phạm Như Q, sinh năm 2004, trú tại thôn K1, xã N1, huyện V2, tỉnh T (Là chị gái A).

3. Anh Phí Hoàng Trung A1, sinh ngày 10/02/2006, trú tại tổ 15, phường T2, thành phố T.

Người đại diện cho anh A1: Ông Vũ Ngọc T3 - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T.

4. Ông Nguyễn Thái K2, sinh năm 1947, trú tại thôn K, xã V, thành phố T, tỉnh T.

(Tại phiên tòa có mặt bị cáo, đại diện bị hại, vắng mặt những người tham gia tố tụng khác).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/8/2022, Bùi Văn P cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , màu đen - bạc, không đeo biển số cho anh Phạm Tuấn A lấy 3.000.000 đồng. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 30/8/2022, P cùng Nguyễn Minh H1 chơi điện tử tại quán Internet, P kể với H1 về việc P không có tiền chuộc xe. H1 liền rủ P đi trộm cắp tài sản để lấy tiền chuộc xe cho P và tiêu sài thì P đồng ý. Sau đó, H1 hỏi mượn xe mô tô (*không rõ đặc điểm*) của Phí Hoàng Trung A1 nói là để đi có việc, A1 đồng ý. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, H1 điều khiển xe mô tô chở P đến khu vực thôn K, xã V, thành phố T thì H1 và P thấy ngôi miếu B do ông Lại Thế Đ quản lý. H1 dừng xe ở đầu ngõ, bảo P đứng ngoài cảnh giới để H1 vào trộm cắp tài sản. H1 đi bộ vào trong miếu thấy cửa miếu không khóa, H1 đi vào trong miếu thấy hòm công đức bằng tôn màu xám, quan sát thấy chiếc hòm đã khóa. H1 quay lại lấy chiếc then cửa để phá khóa. H1 mở nắp hòm công đức ra thấy bên trong hòm có các loại tiền với nhiều mệnh giá khác nhau. H1 lấy túi nilon màu đen cạnh hòm công đức bỏ tiền vào và để lại một ít tiền trong hòm.

Số tiền trộm cắp được là 3.100.000 đồng với nhiều mệnh giá khác nhau. H1 nói với P sẽ sử dụng 3.000.000 đồng để chuộc xe cho P còn 100.000 đồng dùng để cùng tiêu sài, P đồng ý. Do chưa đủ tiền để chuộc xe nên P đã mượn của chị Nguyễn Thị N số tiền 630.000 đồng. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày H1 chở P đến gặp anh Phạm Tuấn A để chuộc xe mô tô với số tiền là 3.630.000 đồng. Đến khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 07/10/2022, khi H1 điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , màu đen - bạc, không đeo biển số chở P thì bị lực lượng Công an phường L2, thành phố T phát hiện có biểu hiện nghi vấn nên đã đưa P, H1 cùng chiếc xe mô tô trên về trụ sở để làm việc. Qua đấu tranh, Bùi

Văn P và Nguyễn Minh H1 đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản tại miếu B thuộc thôn K, xã V, thành phố T.

Bản cáo trạng số 28/CT-VKSTPTB ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị: Xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 đến 18 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L1, huyện Y, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 3.100.000 đồng. Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên về trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không bào chữa và không có ý kiến tranh luận.

Đại diện bị hại không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố vụ án được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục nên các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án này là hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và được chứng minh bằng: Biên bản xác định địa điểm. Biên bản xác định hiện trường. Sơ đồ hiện trường. Bản ảnh xác định hiện trường. Biên bản ghi lời khai đại diện người bị hại. Biên bản ghi lời khai người làm chứng. Biên bản ghi lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do căn tiền đề tiêu sài, nên khoảng 16 giờ 30 phút ngày 30/8/2022, Bùi Văn P và Nguyễn Minh H1 đã lợi dụng sơ hở, trộm cắp số tiền 3.100.000 đồng trong hòm công đức tại Miếu B ở thôn K, xã

V, thành phố T, tỉnh T do ông Lại Thế Đ, sinh năm 1950, trú tại thôn K, xã V, thành phố T, tỉnh T quản lý.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả, hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo và của Nguyễn Minh H1 là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, do vậy cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm minh đối với bị cáo.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, là người có nhân thân tốt. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo tác động gia đình bồi thường thiệt hại; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và được đại diện bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Các tình tiết này được giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, là người có nhân thân tốt, bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cũng có đủ tác dụng cải tạo, giáo dục, bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[6] Về vật chứng: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , màu đen - bạc, không đeo biển số; 01 biển số 28F1 - 203.53 là tài sản hợp pháp của ông Bùi Văn C, cơ quan Điều tra đã trả lại cho ông Cường là đúng quy định.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo đã bồi thường cho đại diện bị hại là ông Lại Thế Đ số tiền 3.100.000 đồng. Tại phiên tòa ông Điệt không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra giải quyết. Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 630.000 đồng nên không đặt ra giải quyết.

[8] Về các vấn đề khác:

[8.1] Đối với Nguyễn Minh H1: Khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản H1 chưa đủ 16 tuổi nên không phải chịu trách nhiệm hình sự. Căn cứ điểm a, khoản

1 Điều 15 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự an toàn xã hội, Công an thành phố Thái Bình đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Minh H1 bằng hình thức Cảnh cáo.

[8.2] Đối với hành vi của Phạm Tuấn A nhận cầm cố xe máy không có giấy tờ, không có biên kiểm soát với số tiền 3.000.000 đồng và thu tiền lãi 630.000 đồng. Cơ quan Điều tra Công an thành phố Thái Bình đã nhiều lần triệu tập nhưng Phạm Tuấn A không có mặt tại gia đình. Cơ quan Điều tra Công an thành phố Thái Bình tiếp tục xác minh, khi có căn cứ sẽ xử lý theo quy định.

[8.3] Đối với Phí Hoàng Trung A1: Khi cho H1 mượn chiếc xe mô tô, A1 không biết việc H1 mượn xe để đi trộm cắp tài sản nên không có căn cứ để xử lý.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, đại diện bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 36 Bộ luật Hình sự:

- Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Văn P 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo Bùi Văn P cho Ủy ban nhân dân xã L1, huyện Y, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Khấu trừ thu nhập mỗi tháng 300.000 đồng, 09 tháng là 2.700.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho đại diện bị hại số tiền 3.100.000 đồng, đại diện bị hại không có yêu cầu gì khác về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra giải quyết. Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 630.000 đồng nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và đại diện bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24/02/2023). Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- Tòa án ND tỉnh TB;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND TP Thái Bình;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Thái Bình;
- Cơ quan THAHS Công an TP Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Tuyết